

tỉnh Vĩnh Long. Bà và ông Đ sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau vì bất đồng quan điểm sống, quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, từ cuối năm 2020 Bà đã về nhà cha, mẹ ruột để sống. Ông Đ thường hay nhậu nhẹt về kiếm chuyện đánh Bà nhiều lần, chửi cả nhà bên Bà kể cả mẹ bà. Ngoài ra, ông Đ còn ghen tuông vô cớ, mâu thuẫn này đã hơn 10 năm Bà cố chịu đựng, khuyên răn để ông Đ sửa đổi bản thân nhưng đến nay vẫn không sửa đổi. Từ đó, Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được nên yêu cầu giải quyết được ly hôn ông Đ. Về con chung: Bà và ông Đ có hai người con chung là Trần Công Anh K, sinh ngày 09/6/2002 đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; Trần Công A sinh ngày 03/11/2007 đang sống với Bà, sau khi ly hôn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng A đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông Đ không yêu cầu giải quyết. Nợ chung: Bà N khai trong quá trình hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn không có nợ chung. Tại phiên tòa, bà N xin xử vắng mặt giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện và ý kiến trình bày tại phiên hòa giải.

* Tại phiên hòa giải ngày 10/6/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Đ trình bày:

Ông Đ xác định việc nhậu chửi và đánh bà N là có, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn như bà N trình bày là đúng, Ông hứa với bà N sẽ sửa đổi bản thân để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cùng bà N xây dựng gia đình hạnh phúc, bản thân Ông còn thương vợ, con nên không đồng ý yêu cầu xin ly hôn của bà Nấm. Trường hợp, xét xử Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cho ly hôn Ông đồng ý giao con là anh A cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và theo nguyện vọng của con; về tài sản chung; nợ chung ông Đ đều thống nhất ý kiến của bà N. Tại phiên tòa ông Đ vắng mặt đến lần thứ hai.

Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xử vắng mặt của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Trần Công Đ không đồng ý. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân

sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà N có đơn xin xử vắng mặt do bận đi làm, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

Hiện nay, bà N và ông Đ sống ly thân gần hai năm, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng Ông, Bà không yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của Ông, Bà; Anh K đã trưởng thành, tại bản khai nguyện vọng của A muốn sống với mẹ. Bà N xác định rõ nguyên nhân phát sinh tranh chấp trong hôn nhân, do ông Đ thường xuyên cự cãi, nhậu nhẹt, chửi, đánh Bà, không sửa đổi bản thân, bất đồng quan điểm sống; ông Đ không đồng ý ly hôn. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Trong quá trình giải quyết bà N đã xác định được nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Bà và ông Đ có thời gian sống ly thân nhau, bà N xin ly hôn ông Đ không đồng ý và hứa với bà N bản thân Ông sẽ khắc phục những sai lầm trong việc xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, Ông có thêm cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng để gia đình đoàn tụ. Xét thấy, Tòa án tiến hành hòa giải cho hai bên cơ hội, thời gian để hòa giải đoàn tụ, ông Đ tuy không muốn ly hôn nhưng do cuộc sống vợ chồng không còn gần gũi, chăm lo, quan tâm lẫn nhau mặc dù sau khi hòa giải đã cho thời gian dài ông Đ cũng không tìm đến bà N để vợ chồng đoàn tụ mà cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của ai người đó tự lo, không còn quan tâm lẫn nhau trong một gia đình nên mong muốn đoàn tụ của ông Đ không đạt được. Bà N cho rằng thời gian mâu thuẫn đã lâu, bản thân ông Đ không chịu sửa đổi tính tình nên niềm tin, tình cảm vợ chồng đối với ông Đ không còn, Bà kiên quyết giữ quan điểm ly hôn vì mâu thuẫn không thể hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N đối với ông Đ.

[2.2] Về con chung: Bà N và ông Đ có người con chung là A đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; còn A hiện nay đang sống với bà N và sau khi ly hôn vẫn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, nguyện vọng của con muốn sống với mẹ nên Hội đồng xét xử giao con cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; vấn đề cấp dưỡng Bà không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N tự thỏa thuận với ông Đ nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà N, ông Đ thống nhất không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ, ông Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị N và ông Trần Công Đ.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà N và ông Đ có người con chung Trần Công Anh K, sinh ngày 09/6/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao Trần Công A, sinh ngày 03/11/2007 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của A; ông Đ không cấp dưỡng nuôi con;

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0001187 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi ly hôn ông Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, **đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND P.Trường An, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Loan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 28 tháng 7 năm 2022;

Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long;

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Phụng;

2 Ông Phạm Văn Tư.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 154/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022 về “Tranh chấp Xin ly hôn” giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Nấm**, sinh năm: 1985; địa chỉ cư trú: 86A, khóm Tân Quới Tây, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên lạc: số 74 tổ 4 khóm Vĩnh Bình, phường Tân Ngãi, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trần Công Đức**, sinh năm 1981; địa chỉ: 86A khóm Tân Quới Tây, phường Trường An, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long(vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬT, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Hội đồng xét xử biểu quyết 3/3, quyết định:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Về nội dung:

1.1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Nấm và ông Trần Công Đức.

1.2/ Về nuôi con chung: Bà Nấm và ông Đức có người con chung Trần

Công Anh Khoa, sinh ngày 09/6/2002 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết; giao Trần Công Anh Khang, sinh ngày 03/11/2007 cho bà Nấm trực tiếp nuôi dưỡng và theo nguyện vọng của Anh Khang; ông Đức không cấp dưỡng nuôi con;

1.3/ Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2/ Về án phí: Bà Huỳnh Thị Nấm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0001187 ngày 04/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà Nấm đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi ly hôn ông Đức có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà Nấm có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

1/

2/

.....

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan

hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý